

Số: 194/2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 03 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 174/TTr-SCT ngày 11 tháng 9 năm 2026 và Báo cáo số 581/BC-SCT ngày 24 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành quy chế Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2026.

2. Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phòng khối NC-TH;
- Lưu: VT, CH (QĐ 56), M.A2134/10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Chí Nguyễn



QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số 194/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, phương thức phối hợp và trách nhiệm quản lý giữa các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các đơn vị có liên quan tới hoạt động quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành tỉnh.
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.
- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc quản lý

a) Công tác quản lý, phát triển đối với cụm công nghiệp thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan và theo yêu cầu công tác quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Sở Công Thương là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Việc phối hợp thực hiện quản lý, phát triển đối với cụm công nghiệp phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phối hợp quản lý, phát triển đối với cụm công nghiệp, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm chủ động phối hợp nhằm đảm bảo công tác quản lý được chặt chẽ, thống nhất, đồng bộ, nhanh chóng, kịp thời, tránh chồng chéo trong chỉ đạo, điều hành giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý.

2. Phương thức phối hợp

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thường xuyên phối hợp, kịp thời trao đổi thông tin với Sở Công Thương trong việc theo dõi, giải quyết các công việc liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp. Chủ động thực hiện các nhiệm vụ có liên quan về công tác quản lý, phát triển cụm công nghiệp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Mỗi lĩnh vực do một cơ quan chịu trách nhiệm chính, chủ trì và tổ chức phối hợp; các cơ quan khác có trách nhiệm tham gia phối hợp theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

c) Tùy theo tính chất, nội dung công việc, trong quá trình thực hiện cơ quan chủ trì quyết định hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan để giải quyết công việc theo các hình thức: Tổ chức họp hoặc lấy ý kiến tham gia của các cơ quan phối hợp bằng văn bản; tổ chức khảo sát, kiểm tra liên ngành.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 3. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật về quản lý, phát triển cụm công nghiệp gồm: Phương hướng phát triển cụm công nghiệp, quy chế quản lý cụm công nghiệp, chính sách hỗ trợ đầu tư, phát triển cụm công nghiệp, kế hoạch và dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị có liên quan xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị có liên quan, có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương hướng phát triển cụm công nghiệp

1. Cơ sở xây dựng phương hướng, nội dung phương hướng phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành phương hướng phát triển cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này; có văn bản báo cáo Ủy ban nhân

dân tỉnh về phương hướng phát triển cụm công nghiệp; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện phát triển cụm công nghiệp theo phương hướng phát triển cụm công nghiệp đã được phê duyệt.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh xử lý, tích hợp phương hướng phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với quy hoạch tỉnh (trong đó có phương hướng phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp luật về quy hoạch để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, đề xuất Danh mục các cụm công nghiệp dự kiến phát triển trên địa bàn cấp xã trong kỳ quy hoạch gửi Sở Công Thương tổng hợp theo kỳ quy hoạch tỉnh.

d) Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp xây dựng, triển khai thực hiện phương hướng phát triển cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ lĩnh vực quản lý.

Điều 5. Điều chỉnh, tích hợp điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp

1. Cơ sở điều chỉnh phương hướng, nội dung báo cáo điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành báo cáo điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh xử lý, tích hợp nội dung điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với quy hoạch tỉnh (trong đó có phương hướng phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp luật về quy hoạch để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, đề xuất điều chỉnh danh mục phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã gửi Sở Công Thương tổng hợp theo kỳ quy hoạch tỉnh.

d) Các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan phối hợp xây dựng, hoàn thiện báo cáo điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan đến điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện, nội dung, hồ sơ và trình tự thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ. Điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và đơn vị liên quan tổ chức thẩm định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp và việc điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận và thông báo rộng rãi việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ; chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập 01 hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP kèm theo văn bản điện tử của hồ sơ, gửi Sở Công Thương để chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định; bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trường hợp hồ sơ, nội dung Báo cáo thành lập, mở rộng cụm công nghiệp không đáp ứng yêu cầu; phối hợp với Sở Công Thương trong việc điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

c) Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp trong việc thực hiện thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm lập Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ, văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm

công nghiệp và các hồ sơ, tài liệu có liên quan gửi Ủy ban nhân dân cấp xã; chỉnh sửa, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo ý kiến của cơ quan thẩm định.

Điều 7. Lập, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ và quy hoạch chi tiết khu chức năng theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nội dung quy hoạch chi tiết phải phù hợp với Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, có bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường phù hợp với ngành nghề hoạt động của cụm công nghiệp và quy định về xử lý và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp trong việc tham gia thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức lập quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp; trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định, gửi Sở Xây dựng, Sở Công Thương 01 (một) bản Quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp để theo dõi, tổng hợp.

c) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm thực hiện thủ tục lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp đã được phê duyệt; trình thẩm định, phê duyệt theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 8. Lập, phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho chủ trương chấm dứt hoạt động dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

2. Các sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

Điều 9. Thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phải thực hiện các

thủ tục theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, các đơn vị có liên quan hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp, tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có) theo quy định của pháp luật; chỉ đạo và tổ chức tuyên truyền vận động đến các tổ chức, cá nhân về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; thực hiện giải phóng mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thành lập và chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân cấp xã. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án xây dựng cụm công nghiệp; tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất và thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

3. Sở Tài chính hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện thủ tục bảo đảm thực hiện đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư trước khi Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

4. Các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đăng ký nhu cầu sử dụng đất xây dựng cụm công nghiệp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp để đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, làm cơ sở thực hiện thu hồi đất theo quy định; bố trí kinh phí, phối hợp thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Tiếp nhận và thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường đối với các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp liên

hệ với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp để được hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành, nghề, giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp và thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

2. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào cụm công nghiệp phải đáp ứng các quy định tại Điều 29, Điều 35 của Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và các quy định pháp luật khác có liên quan; không tiếp nhận thêm hoặc nâng công suất dự án đầu tư có phát sinh nước thải trong cụm công nghiệp khi chưa có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị có liên quan hướng dẫn việc thực hiện thủ tục môi trường đối với các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp; thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn với đất cho nhà đầu tư thứ cấp và các nội dung liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

5. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị có liên quan hướng dẫn, thẩm duyệt hồ sơ thiết kế, phương án phòng cháy, chữa cháy đối với dự án của nhà đầu tư thứ cấp theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

6. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị có liên quan hướng dẫn và thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền và các nội dung khác liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì hướng dẫn thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư (nếu có); cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trong cụm công nghiệp và các nội dung liên quan đến đầu tư, đất đai, môi trường theo ủy quyền, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp thực hiện các nội dung có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 12. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và đơn vị có liên quan theo dõi, quản lý việc thực hiện cung cấp, quản lý các dịch vụ

công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp và việc thực hiện Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích của Chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trước khi tiếp nhận tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp không trái quy định của pháp luật và gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã 01 bản chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt để theo dõi, quản lý.

c) Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện thỏa thuận, ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp; sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng và các dịch vụ khác đúng mục đích, có trách nhiệm bảo vệ công trình công cộng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

Điều 13. Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh

1. Nội dung quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể một số nội dung sau: Theo dõi, cập nhật về tình hình đầu tư xây dựng dự án, hoạt động sản xuất, kinh doanh; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật; đánh giá hiệu quả của các dự án; xử lý hoặc đề nghị, tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý những hành vi vi phạm về môi trường, xây dựng, đất đai, đầu tư, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự và những vấn đề phát sinh như khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, đề xuất.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Công Thương theo dõi, cập nhật về tình hình đầu tư xây dựng dự án, hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị có liên quan giải quyết những vấn đề phát sinh như khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, đề xuất liên quan đến quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp trừ các vấn đề liên quan đến dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp.

b) Các sở, ban, ngành tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện quản lý hoạt động của các dự án đầu tư trong cụm công nghiệp.

d) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ.

e) Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Điều 14. Chế độ thông tin báo cáo

1. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ, thời gian thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Các mẫu báo cáo thực hiện theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 14/2024/TT-BCT. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phương thức gửi, nhận báo cáo định kỳ: Báo cáo định kỳ được thể hiện bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng các phương thức như qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản (đối với cơ quan quản lý nhà nước); gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc qua hệ thống thư điện tử (đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp); hoặc thông qua cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp (đối với Sở Công Thương, phòng chuyên môn quản lý công thương trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị có liên quan thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT; thực hiện các báo cáo đột xuất về quản lý, phát triển cụm công nghiệp theo yêu cầu của Bộ Công Thương hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước.

b) Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các báo cáo đột xuất nội dung chuyên đề về cụm công nghiệp theo yêu cầu của các Bộ, ngành Trung ương hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 15. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp việc chấp hành về quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan đến cụm công nghiệp, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp, việc đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy và các quy định chuyên ngành khác có liên quan.

2. Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được thực hiện không quá một lần trong một năm trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên theo dõi, đôn đốc chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp trên địa bàn thực hiện việc đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành cụm công nghiệp theo hồ sơ đã được phê duyệt và đúng quy định; tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (khi có dấu hiệu vi phạm), xử lý vi phạm (nếu có) theo đúng quy định. Kết quả báo cáo về Sở Công Thương để tổng hợp, theo dõi.

b) Công tác thanh tra do Thanh tra tỉnh thực hiện. Các sở, ban, ngành tỉnh và đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên ngành hàng năm đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp, gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện theo quy định; đồng thời, xây dựng, phê duyệt kế hoạch kiểm tra chuyên ngành hàng năm để triển khai thực hiện theo quy định.

c) Các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành thông báo kế hoạch kiểm tra trước khi triển khai thực hiện và gửi văn bản kết luận sau khi kết thúc kiểm tra về Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã để theo dõi, phối hợp thực hiện và tổng hợp báo cáo theo quy định; thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp.

d) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất hiệu quả thực hiện phương hướng phát triển, chính sách quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tổng hợp, đề xuất khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích về phát triển cụm công nghiệp; xử lý hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý kiến nghị, vi phạm pháp luật theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý và trách nhiệm theo Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị có liên quan phổ biến nội dung, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.